

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/KDTM-ST
Ngày: 19 -11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trà My.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải;
2. Ông Nguyễn Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 46/2019/TLST-KDTM ngày 17 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2019/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2019/QĐ-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần V;

Địa chỉ trụ sở: Số 89 Đường LH, phường LH, quận Đ, thành phố HN.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Ngô Chí D, sinh năm 1968, chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị; (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông T, chức vụ: Phó giám đốc khối pháp chế và kiểm soát tuân thủ - VPBank Hội sở kiêm Phó Tổng giám đốc VPBank AMC (theo giấy ủy quyền số 11/2018/UQ - HĐQT ngày 02-3-2018 của Ngân hàng Thương mại cổ phần V);(vắng mặt).

Người được ủy quyền lại của nguyên đơn: Ông H; ông T, cùng chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; cùng địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà ACM, số 96 Cao Thắng, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy ủy quyền số 27197/2019/UQ - PGDK ngày 05-8-2019 của Ngân hàng Thương mại cổ phần); (Ông H có mặt, ông T vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà H, sinh năm 1983; (vắng mặt).

Nơi cư trú: 111 đường L, phường T, thành phố V, tỉnh BR – VT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ông H trình bày:

Ngày 26-10-2016, Ngân hàng Thương mại cổ phần V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và bà H cùng ký kết giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn số 20161114-0001870 (sau đây gọi tắt là hợp đồng số 1870) với nội dung: Ngân hàng cho bà H vay số tiền 210.000.000đồng, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân là ngày 14-11-2016; mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh; lãi suất cố định: 34%/năm; lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Ngân hàng đã giải ngân và bà H đã nhận đủ 210.000.000đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà H đã thanh toán cho Ngân hàng 65.140.444đồng, bao gồm 24.386.506đồng tiền gốc và 40.753.938đồng tiền lãi. Từ ngày 25-5-2017, bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Căn cứ hợp đồng số 1870, kể từ khi bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ của bà H sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo yêu cầu bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nhưng bà H không thực hiện. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 19-11-2019 là 420.661.524đồng, trong đó nợ gốc quá hạn là 185.613.494đồng, lãi quá hạn là 235.048.030đồng và bà H phải chịu thêm lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Bị đơn Bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông H vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu như trình bày trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Thương mại cổ phần V có đơn khởi kiện yêu cầu bà H thanh toán nợ theo hợp đồng đã giao kết là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa cá nhân tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận nên đây là tranh chấp kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn bà H có nơi cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn bà H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà H.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu trả tiền gốc, lãi của nguyên đơn đối với bị đơn thấy rằng:

Hợp đồng số 1870 ngày 26-10-2016 được Ngân hàng Thương mại cổ phần V chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh ký kết với bà H trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng đã ký kết.

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 19-11-2019 là 420.661.524đồng, trong đó nợ gốc quá hạn là 185.613.494đồng, lãi quá hạn là 235.048.030đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Xét bảng hoạt động tài khoản số 111119554 từ ngày 14-11-2016 đến 25-7-2017 của bà H, đơn khởi kiện và trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, phiếu tính lãi chi tiết đến hết ngày 19-11-2019 thì bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 65.140.444đồng, gồm 24.386.506đồng tiền gốc và 40.753.938đồng tiền lãi. Từ ngày 25-7-2017 đến nay, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Mặc dù, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn bà H nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, có căn cứ xác định Ngân hàng với bà H có ký hợp đồng số 1870 và bà H còn nợ Ngân hàng tiền gốc và lãi tính như ý kiến, yêu cầu của Ngân hàng. Căn cứ hợp đồng số 1870 kèm Bộ điều khoản và điều kiện về vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử; thông báo số 05/2016/TB-HB ngày 24-5-2016 về việc thông báo chính sách giá sản phẩm cho vay không tài sản bảo đảm áp dụng cho khách hàng cá nhân thuộc khối tín dụng tiêu thương của Ngân hàng; các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều

95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, thì yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp với quy định pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc Bà H phải có trách nhiệm trả số tiền 420.661.524 đồng, trong đó nợ gốc quá hạn là 185.613.494 đồng, lãi quá hạn là 235.048.030 đồng và bà H phải chịu thêm lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[3] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bà H có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng nên phải chịu án phí sơ thẩm.

Ngân hàng V không phải chịu án phí, hoàn trả cho Ngân hàng 9.300.000 đồng tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228, Điều 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự;

- Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V.

2. Buộc bà H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 420.661.524 đồng (*bốn trăm hai mươi triệu sáu trăm sáu mươi một ngàn năm trăm hai mươi bốn đồng*), trong đó nợ gốc quá hạn là 185.613.494 đồng (*một trăm tám mươi lăm triệu sáu trăm mười ba ngàn bốn trăm chín mươi bốn đồng*), lãi quá hạn là 235.048.030 đồng (*hai trăm ba mươi lăm triệu không trăm bốn mươi tám ngàn không trăm ba mươi đồng*) tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (19-11-2019).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn số 20161114 - 0001870 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng 1870, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bà H phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là: 20.826.461 đồng (*hai mươi triệu tám trăm hai mươi sáu ngàn bốn trăm sáu mươi một đồng*).

Ngân hàng thương mại cổ phần V không phải chịu án phí sơ thẩm; hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 9.300.000 đồng (*chín triệu ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí Ngân hàng thương mại cổ phần V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0001012 ngày 17-7-2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Nếu không đồng ý với bản án này, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND TP. Vũng Tàu;
- Lưu: Tòa DS; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trà My